

Bản án số: 1449/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 24 - 11 - 2020

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Mai

2. Ông Phạm Nguyễn Anh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương, Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Bá Nghĩa - Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 11 năm 2020 tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 173/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 347/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 287/2020/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Ngách Thị Tuyết M, sinh năm 1982 (Có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Số xx Khu phố 1, phường A, Quận B, Thành phố H.

- *Bị đơn:* Ông Trần Ngọc L, sinh năm 1978 (Vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Số xxx Đường C, Phường D, quận E, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 24 tháng 04 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - Bà Ngách Thị Tuyết M trình bày: Bà và ông Trần Ngọc L tự nguyện xây dựng gia đình vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 6, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Hạnh phúc gia đình kéo dài được 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do tính

tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống do ông L nghiện ma túy, tình cảm vợ chồng nay đã hết, cả hai đã ly thân được 05 năm. Nay bà M nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Ngọc L để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà M khai có 01 người con chung tên là Trần Ngọc Minh P, sinh ngày 12/05/2011. Khi ly hôn bà M yêu cầu bà là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Bà M không yêu cầu ông Long cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà M khai trong quá trình chung sống bà và ông Long không có tài sản chung.

2. Bị đơn ông Trần Ngọc L: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án cho ông L và triệu tập ông L đến Tòa án để ghi nhận ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà M nhưng ông L không đến Tòa. Sau đó, Tòa án tổng đạt thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông L nhưng ông L không đến Tòa, không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình và cũng không có ý kiến về các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt.

3. Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp nhận thấy: Bà M yêu cầu được ly hôn với ông L. Bị đơn đã được tổng đạt triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa. Căn cứ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung. Về tài sản chung: Nguyên đơn khai không có tài sản chung nên không xem xét. Về con chung: Nguyên đơn yêu cầu được nuôi con chung, bị đơn không đến Tòa không có ý kiến, văn bản gì gửi cho

Tòa án nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn không yêu cầu nên không xét. Căn cứ Điều 56, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà M yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Trần Ngọc L đây là tranh chấp dân sự về ly hôn. Theo kết quả xác minh của Công an Phường 6 quận Gò Vấp, ông Trần Ngọc L hiện đang cư trú tại địa chỉ xx Đường C, Phường D, quận E, Thành phố H. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp.

Ông Trần Ngọc L là bị đơn không có yêu cầu phản tố đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Long.

[2] Về yêu cầu ly hôn của bà M:

Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa bà M và ông L là hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên được công nhận hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của M, Hội đồng xét xử nhận thấy: Mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, thời gian sống ly thân đã lâu, không ai quan tâm đến ai, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà M ly hôn với ông L.

[3] Về người trực tiếp nuôi con: Quá trình chung sống bà M và ông L có 01 người con chung là Trần Ngọc Minh P, sinh ngày 12/05/2011. Hiện nay do bà M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Cháu P có nguyện vọng xin được ở với mẹ. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận bà M là người được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Bà M không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

- Về tài sản chung: Bà M khai không có tài sản chung nên Tòa án không xét.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, bà M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngách Thị Tuyết M được ly hôn với ông Trần Ngọc L.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 40 quyển số 01/2011 đăng ký ngày 22 tháng 04 năm 2011 tại Ủy ban nhân dân phường D, quận E, Thành phố H không còn hiệu lực khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Có 01 người con chung: Trần Ngọc Minh P, sinh ngày 12/05/2011 giao bà Ngách Thị Tuyết M là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà M không yêu cầu nên không xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về tài sản chung: Bà M khai không có tài sản chung nên không xét.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà M phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà M đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số AA/2019/0025650 ngày 19/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Tuyên